

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 19-5-2020

“V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hoài Dinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Phum**

2/ Ông **Trần Văn Rội**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 888/2019/TLST-HNGĐ ngày 30-12-2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vương Quan K, sinh năm 1966. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp G, xã H, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau từ năm 1998, có tìm hiểu trước, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh T vào ngày 21-3-1998. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không quan tâm và phụ giúp chị lo lắng cho gia đình, tiền kiếm được anh đem đi cờ bạc, chị đã nhiều khuyên ngăn nhưng anh không thay đổi mà còn kiếm chuyện đánh chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng chị vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm

đến nhau. Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung tên Vương Thị Thanh N, sinh ngày 06-10-1999 và Vương Minh V, sinh ngày 03-7-2005. Hiện đang sống cùng vợ chồng.

Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh K. Về con chung chị yêu cầu được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vương Minh V, sinh ngày 03-7-2005, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Vương Thị Thanh N, sinh ngày 06-10-1999 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được, nên chị không có yêu cầu gì. Tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Vương Quan K trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị P về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, nợ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị P trình bày có phần đúng và phần không đúng, anh thừa nhận trước đây anh có ham mê cờ bạc, không quan tâm và phụ giúp chị P lo cho gia đình và con cái, nhưng nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không thể tiếp tục sống cùng nhau là do chị P có nhiều bí ẩn, thường đem anh ra so sánh với người khác về vấn đề tiền bạc, tiền anh làm đem về cho chị P để lo cho gia đình chị P chê ít, nói này nợ nên anh không đưa tiền phụ giúp nữa. Nay anh vẫn còn thương chị P nên anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung tên Vương Thị Thanh N và Vương Minh V như chị P đã trình bày. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao cháu Vương Minh V, sinh ngày 03-7-2005 cho chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng, đối với cháu Vương Thị Thanh N, sinh ngày 06-10-1999 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được, nên chị không có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh K, chị P được ly hôn với anh K; về con chung: Giao cho chị P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Minh V, sinh ngày 03-7-2005, ghi nhận chị P không yêu cầu anh K. Ghi nhận cháu Vương Thị Thanh N, sinh ngày 06-10-1999 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được, nên anh chị không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết. Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị P, anh K tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh K chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị P có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P thì thấy: Mâu thuẫn giữa chị và anh K phát sinh từ việc anh K ham mê cờ bạc, không quan tâm và phụ giúp chị chăm lo gia đình và con cái, mặc cho chị nhiều lần khuyên ngăn, anh không nghe mà còn đánh chị. Từ đó dẫn đến mọi việc chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do một mình chị P phải tính toán và gánh vác. Anh K thừa nhận có cờ bạc và không quan tâm lo lắng, phụ giúp chị P chăm lo con cái, tiền anh kiếm được tiêu xài cá nhân, không phụ giúp chị P lo gia đình là do chị P chê tiền ít, so sánh, này nọ, nên anh không đưa. Tuy vợ chồng anh chị chung sống không ly thân nhưng không ai quan tâm đến ai, không tìm được tiếng nói chung, ngoài ra, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh K không đến, mặc dù trước đó anh có ý kiến muốn xin được đoàn tụ, nhưng không thể hiện ý chí xin đoàn tụ. Vì vậy, chứng tỏ anh K đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng và không có thiện chí được đoàn tụ với chị P. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Vương Thị Thanh N, sinh ngày 06-10-1999 và Vương Minh V, sinh ngày 03-7-2005. Chị P yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu N đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Xét thấy, hiện cháu V đang sống với cùng chị P, cháu V có nguyện vọng được sống với chị P và anh K cũng có ý kiến là nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao cháu V cho chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu V nên Hội đồng xét xử cần giao cháu V cho chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị P không yêu cầu

anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Vương Thị Thanh N, sinh ngày 06-10-1999 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị P, anh K không có tranh chấp, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị P, anh K trình bày không có. Đến thời điểm xét xử cũng không có ai tranh chấp nợ chung với chị P, anh K, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chi Phòng phải chịu án phí không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng **Điều 56, 81, 82 và 83 Luật** hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P đối với anh Vương Quan K. Chị P được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Giao cho chị P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vương Minh V, sinh ngày 03-7-2005. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cháu Vương Thị Thanh N, sinh ngày 06-10-1999 2001 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Vương Quan K không có tranh chấp, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Vương Quan K không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000015 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị P đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Chị Nguyễn Thị Phòng và anh Vương Quan Khan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND H. Gò Dầu;
- CCTHADS H. Gò Dầu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Đình